VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước

(Tiếp theo Công báo số 735 + 736)

Phụ lục I

HỆ THỐNG CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(Kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

(Áp dụng cho cả ngân sách xã)

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C3-01/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ

Thực chi ☐ Tạm ứng ☐
Ứng trước đủ đk thanh toán ☐
Ứng trước chưa đủ đk thanh toán ☐

Chuyển khoản ☐
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Số:…….. Năm NS:……..

Tên dự án:.....

Chủ đầu tư: Mã ĐVQHNS: .....

Tài khoản: Tại KBNN:.....

Tên CTMT, DA: .....

..... Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HĐK:.....

Số CKC, HĐTH..... Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:..... ngày…../……/.....

NỘI DUNG	Mã NDKT	Mã CHƯƠNG	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):.....

Mã số thuế: Mã NDKT:..... Mã chương:.....

Cơ quan quản lý thu:..... Mã CQ thu: ..... Kỳ thuế:.....

KBNN hạch toán khoản thu:.....

Tổng số tiền nộp thuế *(ghi bằng chữ)*: .....

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:.....

Địa chỉ: .....

Tài khoản: Mã CTMT, DA và HTCT: .....

Tại KBNN (NH):

Hoặc người lĩnh tiền mặt:.....

CMND số: Cấp ngày:..... Nơi cấp: .....

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng *(ghi bằng chữ)*: .....

PHẦN KBNN GHI

1. Nộp thuế:
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Mã CQ thu: .....
Mã ĐBHC: .....

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Mã ĐBHC: .....

Bộ phận kiểm soát chi của KBNN | *Chủ đầu tư (Ban QL dự án)*

NGÀY..... THÁNG..... NĂM..... | NGÀY..... THÁNG..... NĂM.....

KIỂM SOÁT **PHỤ TRÁCH** | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký, ghi họ tên)* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

Người lĩnh tiền mặt Ngày… tháng… năm… *(Ký, ghi họ tên)*	KBNN A ghi sổ và trả tiền ngày..... **Thủ quỹ** **Kế toán** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**	KBNN B, NH B ghi sổ ngày..... **Kế toán** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C3-02/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC VỐN ĐẦU TƯ

Số:..... Năm NS:……..

Tạm ứng sang thực chi ☐ Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT ☐

Tên dự án:.....
Chủ đầu tư:..... Mã ĐVQHNS:.....
Tài khoản:..... Tại KBNN: .....
Tên CTMT, DA: .....
..... Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HĐTH .....
Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:..... ngày…../……/.....
Và số dư tạm ứng/ứng trước kinh phí đầu tư của dự án: .....
Đề nghị Kho bạc Nhà nước..... thanh toán số tiền đã Tạm ứng ☐/Ứng trước chưa đủ ĐKTT ☐ thành Thực chi ☐/Ứng trước đủ ĐKTT ☐ theo chi tiết sau:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số KBNN duyệt thanh toán
					Tổng cộng:			

Tổng số tiền ghi bằng chữ.....
.....

……., ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Số tiền ghi bằng chữ: .....
.....

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK: .....
Có TK:.....
Mã ĐBHC.....

Bộ phận kiểm soát chi
Ngày..... tháng..... năm.....
Kiểm soát **Phụ trách**

Bộ phận kế toán
Ngày..... tháng..... năm.....
Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C3-03/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:.... Năm NS:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI ỨNG TRƯỚC VỐN ĐẦU TƯ

Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang tạm ứng ☐

Ứng trước đủ ĐKTT sang thực chi ☐

Căn cứ số dư ứng trước kinh phí đầu tư thuộc kế hoạch năm..... đến ngày...../...../..... và Quyết định giao kế hoạch vốn số:..... ngày..... của.....

Đề nghị Kho bạc Nhà nước..... chuyển Ứng trước chưa đủ ĐKTT ☐/ Ứng trước đủ ĐKTT ☐ thành Tạm ứng ☐/Thực chi ☐ theo chi tiết sau:

Tên dự án:.....

Chủ đầu tư:..... Mã ĐVQHNS:.....

Tài khoản:..... Tại KBNN: .....

Tên CTMT, DA: .....

..... Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HĐK:..... Số CKC, HĐTH:.....

STT	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư ứng trước	Số chuyển sang tạm ứng/thực chi
					Tổng cộng		

Tổng số tiền ghi bằng chữ.....

.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Tổng số tiền ghi bằng số:.....

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

.....

Nợ TK .....
Có TK.....
Nợ TK .....
Có TK.....
Mã ĐBHC:.....

Bộ phận kiểm soát chi
Ngày..... tháng..... năm.....
Kiểm soát **Phụ trách**

Bộ phận kế toán
Ngày..... tháng..... năm.....
Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TRẢ VỐN ĐẦU TƯ

Chuyển khoản ☐ Tiền mặt ☐

Mẫu số C3-04/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số: …….. Năm NS: ……

PHẦN KBNN GHI
1) Nợ TK: .....
Có TK:.....
2) Nợ TK: .....
Có TK:.....
3) Nợ TK: .....
Có TK:.....
Mã ĐBHC:.....

Đơn vị nộp: .....
Đề nghị KBNN:..... trích tài khoản số: .....
Hoặc người nộp tiền: .....
Nộp trả kinh phí đầu tư đã Tạm ứng ☐ hoặc Thực chi ☐
Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền: TK 3521 (Kiểm toán NN) ☐
TK 3522 (Thanh tra TC) ☐ TK 3523 (Thanh tra CP) ☐ TK 3529 (CQ có thẩm quyền khác) ☐
theo Quyết định số:..... ngày .....
Thông tin nộp trả theo các chi tiết sau:
Tên dự án: .....
Chủ đầu tư: ..... Mã ĐVQHNS: .....
Tài khoản số:..... Tại KBNN:.....
Tên CTMT, DA:..... Mã CTMT, DA: .....
Số CKC, HĐK: .....Số CKC, HĐTH:.....

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số tiền
					Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ.....
.....

Người nộp tiền
Ngày…. tháng…. năm.....
(Ký, ghi họ tên)

Đơn vị nộp tiền
Ngày…. tháng…. năm.....

Kế toán trưởng	**Thủ trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN KBNN GHI

☐ 1. Nộp giảm chi NSNN

☐ 2. Nộp trả kinh phí khi đã quyết toán ngân sách:

Thu NSNN theo: Mã NDKT:..... Mã CQT:..... Mã chương:.....

Bộ phận kiểm soát
Ngày.... tháng.... năm.....

Bộ phận kế toán
Ngày..... tháng..... năm.....

Kiểm soát	**Phụ trách**	**Thủ quỹ**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH CÁC KHOẢN CHI NSNN

Mẫu số C3-05/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:.....

Cơ quan/Phòng/Bộ phận đề nghị: .....

Đề nghị Kho bạc nhà nước/Bộ phận Kế toán..... điều chỉnh số liệu chi ngân sách.

Lý do điều chỉnh: .....

Số TT	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Diễn giải	Năm NS	Mã TKKT	Tạm ứng/ƯT chưa đủ ĐKTT	Thực chi/ƯT đủ ĐKTT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số tiền	
																	Nợ	Có
			- Số liệu đã hạch toán															
			- Số liệu đề nghị điều chỉnh															

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

Ngày… tháng… năm….

Kế toán trưởng **Thủ trưởng**

Ngày… tháng… năm….

Bộ phận kiểm soát chi

Kiểm soát **Phụ trách**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày… tháng… năm….

Bộ phận kế toán

Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

ỦY NHIỆM THU

Lập ngày.... tháng..... năm.....

Mẫu số C4-01/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:.....

Đơn vị bán hàng:.....
Mã ĐVQHNS:.....
Số tài khoản: .....
Tại: .....
Hợp đồng (hay đơn đặt hàng) số: ..... ngày..... tháng..... năm.....
Chứng từ kèm theo: .....

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK: .....
Có TK:.....

Đơn vị mua hàng:.....
Số tài khoản:..... Mã NDKT:..... Mã ngành KT:..... Mã chương:..... Mã nguồn NSNN: .....
Tại Kho bạc Nhà nước: .....
Số tiền chuyển: Bằng số: .....
Bằng chữ:.....
.....
Số ngày chậm trả: .....
Số tiền phạt chậm trả: Bằng số: .....
Bằng chữ:.....
.....
Tổng số tiền chuyển: Bằng số: .....
Bằng chữ:.....
.....

ĐƠN VỊ BÁN

Kế toán	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC	**NGÂN HÀNG BÊN BÁN**
Nhận chứng từ ngày..... tháng..... năm.....	Ghi sổ ngày..... tháng..... năm.....
Kế toán **Kế toán trưởng**	**Kế toán** **Kế toán trưởng**
Thanh toán ngày..... tháng..... năm.....	
Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**	

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C4-02a/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:……

ỦY NHIỆM CHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ
Lập ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị trả tiền:.....
Địa chỉ: .....
Tại Kho bạc Nhà nước (NH): .....
Tài khoản: .....

Nội dung thanh toán	Số tiền
(1)	(2)
Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....
Đơn vị nhận tiền:.....
Địa chỉ: .....
Tài khoản: .....
Tại Kho bạc Nhà nước (NH): .....

KBNN A GHI:
Nợ TK: .....
Có TK:.....

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		KBNN A BỘ PHẬN KIỂM SOÁT CHI NGÀY…… BỘ PHẬN KẾ TOÁN GHI SỔ NGÀY….				
Kế toán trưởng *(Ký, ghi họ tên)*	**Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*	**Kiểm soát**	**Phụ trách**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

NGÂN HÀNG A GHI SỔ NGÀY.....			KBNN B, NGÂN HÀNG B GHI SỔ NGÀY.....		
Kế toán	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C4-02b/KB
(Theo TT số 77 /2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

Số:……..

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị trả tiền:.....

Địa chỉ: .....

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): .....

Tài khoản: .....

Nội dung thanh toán	**Số tiền**	
	Nguyên tệ	VND
(1)	(2)	(3)
Tổng cộng		

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ: .....

.....

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ: .....

.....

KBNN A GHI:
Nợ TK: .....
Có TK:.....

Đơn vị nhận tiền:.....

Mã ĐVQHNS:..... Địa chỉ: .....

.....

Tài khoản:..... Tại Kho bạc Nhà nước (NH): .....

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		**KBNN A**				
		Bộ phận kiểm soát chi ngày.....		**Bộ phận kế toán ghi sổ ngày.....**		
Kế toán trưởng	**Chủ tài khoản**	**Kiểm soát**	**Phụ trách**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, ghi họ tên)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*					

NGÂN HÀNG A GHI SỔ NGÀY.....

Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C4-02c/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:.....

ỦY NHIỆM CHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ
Lập ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị trả tiền:.....
Địa chỉ: .....
Tại Kho bạc Nhà nước (NH): .....
Tài khoản: .....

Nội dung thanh toán	Tổng số tiền	Chia ra	
		Nộp thuế	TT cho ĐV hưởng
(1)	(2) = (3) + (4)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....
.....

Trong đó:

NỘP THUẾ:
Tên đơn vị (Người nộp thuế):.....
Mã số thuế:..... Mã NDKT:..... Mã chương:.....
Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo: .....
Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo: .....
Cơ quan quản lý thu:.....Mã CQ thu:.....
KBNN hạch toán khoản thu:.....
Tổng số tiền nộp thuế *(ghi bằng chữ)*: .....
.....

KBNN A GHI
1. Nộp thuế:
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Nợ TK: .....
Có TK: .....
Mã CQ thu: .....
Mã ĐBHC: .....
2. Thanh toán cho ĐV hưởng:
Nợ TK: .....
Có TK: .....

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG:
Đơn vị nhận tiền:.....
Mã ĐVQHNS:..... Địa chỉ: .....
Tài khoản:..... Tại Kho bạc Nhà nước (NH): .....
Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (*ghi bằng chữ*): .....
.....

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		KBNN A				
		Bộ phận kiểm soát chi ngày....		Bộ phận kế toán ghi sổ ngày....		
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Kiểm soát	Phụ trách	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi họ tên)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*					

NGÂN HÀNG A GHI SỔ NGÀY.....			KBNN B, NGÂN HÀNG B GHI SỔ NGÀY.....		
Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C4-03/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:……..

ỦY NHIỆM CHI

(Dùng trong thanh toán chuyển tiếp)

Lập ngày..... tháng..... năm.....

KBNN nhận chuyển tiếp: .....

Số hiệu tài khoản:.....

Thanh toán chuyển tiếp cho KBNN: .....

Người phát lệnh: .....

Tài khoản số:.....

Tại KBNN (Ngân hàng): .....

Người nhận lệnh: .....

Tài khoản số:.....

Tại KBNN (Ngân hàng): .....

KBNN NHẬN CHUYỂN TIẾP
Nợ TK:..... Có TK:.....

KBNN, NH PHỤC VỤ ĐƠN VỊ NHẬN TIỀN
Nợ TK:..... Có TK:.....

Nội dung thanh toán, chuyển tiền: .....

.....

.....

.....

Số tiền ghi bằng số:.....

Số tiền ghi bằng chữ: .....

.....

KHO BẠC NHẬN CHUYỂN TIẾP			**NGÂN HÀNG (KBNN) NHẬN TIỀN**	
			Ghi sổ ngày...../...../.....	
Kế toán	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC.....

Mẫu số C4-04/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:.....

LỆNH CHUYỂN CÓ

Lập ngày…../..../.....

Số chứng từ: ..... Ngày chứng từ:..... Ngày hạch toán: .....
Kho bạc A:..... Mã hiệu .....
Kho bạc B:..... Mã hiệu .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Người trả tiền: .....
Mã đối tượng nộp tiền: .....
Thông tin người trả tiền: .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên): .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Người nhận tiền: .....
Thông tin người nhận tiền: .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên): .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Nội dung thanh toán: .....
.....
.....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ (nguyên tệ): .....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ (VNĐ) .....
.....
.....

Tổng số tiền bằng số
..... nguyên tệ
..... VNĐ

CHỨNG TỪ CHUYỂN ĐỔI TỪ CHỨNG TỪ GIẤY

Ngày..... tháng..... năm.....

Thanh toán viên **Kiểm soát** **Giám đốc**

Thời gian thực hiện chuyển đổi

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC.....

Mẫu số C4-05/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:.....

LỆNH CHUYỂN CÓ
(Kiêm chứng từ phục hồi)
Lập ngày…../..../.....

Số chứng từ: ..... Ngày chứng từ:..... Ngày hạch toán:.....
Kho bạc A..... Mã hiệu:.....
Kho bạc B..... Mã hiệu:.....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Người trả tiền: .....
Mã đối tượng nộp tiền: .....
Thông tin người trả tiền: .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên) .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Người nhận tiền .....
Thông tin người nhận tiền .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên) .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Nội dung thanh toán .....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ (nguyên tệ).....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ (VND).....
.....

Tổng số tiền bằng số
..... nguyên tệ
..... VNĐ

KB GỬI LỆNH
Ngày…… tháng…… năm…..

Thanh toán viên **Kiểm soát** **Giám đốc**

KB NHẬN LỆNH
Ngày…… tháng…… năm…..

CHỨNG TỪ CHUYỂN ĐỔI TỪ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ
Thanh toán viên

Ngày..... tháng..... năm.....
Kiểm soát

Thời gian thực hiện chuyển đổi

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

KHO BẠC.....

Mẫu số C4-06/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..

LỆNH CHUYỂN NỢ
Lập ngày…../..../.....

Số chứng từ: ..... Ngày chứng từ: ..... Ngày hạch toán: .....
Kho bạc A..... Mã hiệu .....
Kho bạc B..... Mã hiệu .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Người đòi tiền:.....
Thông tin người đòi tiền: .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên): .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Người trả tiền: .....
Thông tin người trả tiền:.....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên): .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Nội dung thanh toán:.....
.....
.....

Tổng số tiền ghi bằng chữ (nguyên tệ):.....
.....

Tổng số tiền ghi bằng chữ (VND):.....
.....
.....

Tổng số tiền bằng số
..... nguyên tệ
..... VNĐ

Truyền đi lúc..... giờ..... phút…… ngày……

CHỨNG TỪ CHUYỂN ĐỔI TỪ CHỨNG TỪ GIẤY

Ngày..... tháng..... năm.....

Thanh toán viên **Kiểm soát**

Thời gian thực hiện chuyển đổi

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC.....

Mẫu số C4-07/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:.....

LỆNH CHUYỂN NỢ
(Kiêm chứng từ phục hồi)

Lập ngày…../..../.....

Số chứng từ: ..... Ngày chứng từ:..... Ngày hạch toán:.....
Kho bạc A..... Mã hiệu: .....
Kho bạc B..... Mã hiệu: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Người đòi tiền:.....
Thông tin người đòi tiền: .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên): .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Người trả tiền: .....
Thông tin người trả tiền:.....
Tài khoản: .....
Tại KBNN (Ngân Hàng) (Mã/Tên): .....

Nội dung	Tài khoản	Số tiền	
		Nguyên tệ	VNĐ

Nội dung thanh toán:.....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ (nguyên tệ):.....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ (VND):.....
.....

Tổng số tiền bằng số
..... nguyên tệ
..... VNĐ

KB GỬI LỆNH

Ngày…… tháng…… năm…….

Thanh toán viên **Kiểm soát**

KB NHẬN LỆNH

Ngày…… tháng…… năm…..

CHỨNG TỪ CHUYỂN ĐỔI TỪ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ
Thanh toán viên

Ngày..... tháng..... năm.....
Kiểm soát

Thời gian thực hiện chuyển đổi

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C4-08/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:……

GIẤY NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN
Lập ngày..... tháng..... năm.....

Người nộp: .....
Địa chỉ: .....
Nộp vào tài khoản số:..... Tại KBNN: .....
Của:.....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:.....
Có TK:.....

Nội dung nộp	Số tiền
Tổng cộng	

Tổng số tiền bằng chữ: .....
.....

KBNN ghi sổ ngày… tháng… năm……

Người nộp tiền	**Thủ quỹ**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)			

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT TIỀN MẶT
Từ tài khoản tiền gửi

Mẫu số C4-09/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..

Đơn vị lĩnh tiền: .....
Địa chỉ: .....
Tài khoản: .....
Tại KBNN: .....
Người lĩnh tiền:.....
CMND số:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp: .....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:..... Có TK:.....

Nội dung	Số tiền
Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....
.....

Ngày… tháng… năm…
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị lĩnh tiền
Ngày… tháng… năm…
Kế toán trưởng *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Chủ tài khoản *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Bộ phận kiểm soát chi ngày……
Kiểm soát **Phụ trách**

Bộ phận kế toán ghi sổ và trả tiền ngày....
Thủ quỹ **Kế toán** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C4-10/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)
Số:……..……

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN THANH TOÁN BẰNG SÉC QUA NGÂN HÀNG

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Tên đơn vị thụ hưởng: .....

Tài khoản: ....

Để ghi Nợ TK 3911 - Phải trả thanh toán bằng tiền mặt qua ngân hàng

Tại KBNN .....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK ..... Có TK.....

STT	Séc		Tên đơn vị cá nhân phát hành séc	Số tài khoản	Tên NH thanh toán	Số tiền
	Số sêri	Ngày tháng				
Số tờ séc.....					**Tổng số**	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

.....

NGÂN HÀNG THANH TOÁN

Đã nhận đủ..... tờ séc và thanh toán tiền mặt.

Số tiền bằng số: .....

Số tiền bằng chữ:.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KBNN.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán **Kế toán trưởng**

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C4-11/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

GIẤY CHUYỂN TIỀN

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

Số:.....

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị trả tiền:.....

Tài khoản: .....

Tại Kho bạc Nhà nước:.....

Đơn vị nhận tiền:.....

Tài khoản: .....

Tại Kho bạc Nhà nước (Ngân hàng): .....

Nội dung thanh toán, chuyển tiền: .....

.....

Số tiền ghi bằng số theo nguyên tệ:.....

Số tiền ghi bằng chữ theo nguyên tệ:.....

Số tiền ghi bằng số theo VNĐ: .....

Số tiền ghi bằng chữ theo VNĐ*:*.....

.....

KBNN A GHI
Nợ TK:.....
Có TK: .....

KBNN, NH B GHI
Nợ TK:.....
Có TK: .....

KBNN A GHI SỔ NGÀY.....

Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

NGÂN HÀNG A GHI SỔ NGÀY.....

Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

KBNN:.....

Biên lai thu nợ

Nguồn: ..... Số:.....

Người thu tiền .....

KBNN.....

Người trả tiền.....

- Gốc: Trong hạn: .....

Quá hạn: .....

- Lãi:.....

- Tổng cộng.....

Về khoản thu nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng tiền số .....

ngày...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nộp tiền **Cán bộ KBNN**

(Người thu tiền)

Mẫu số: C5-01/NS

(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

Số:……

BIÊN LAI THU NỢ

Nguồn vốn:……

Kho bạc Nhà nước:.....

đã thu của: .....

Hợp đồng tín dụng số .....Ngày..... tháng..... năm.....

Tổng số tiền: Bằng số:.....

Bằng chữ: .....

.....

Chi tiết: 1- Tiền gốc bằng số:.....

- Trong hạn:.....

- Quá hạn: .....

2- Tiền lãi bằng số: .....

Ngày..... tháng..... năm……..

Người nộp tiền **Cán bộ KBNN**

(Ký, ghi rõ họ tên) *(Người thu tiền)*

Không ghi vào khu vực này

Kho bạc Nhà nước:.....

Mã kho bạc:.....

Điểm giao dịch số:.....

Mẫu số: C5-02/NS

(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

Số:……

BẢNG KÊ BIÊN LAI THU NỢ

(Kiêm giấy nộp tiền vào tài khoản)

Nguồn vốn:.....

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Nợ TK: .....

Có TK: .....

STT	Số biên lai		Số tiền			
			Gốc		Lãi	Tổng cộng
	Số	Ngày	Trong hạn	Quá hạn		
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số tờ biên lai:..... tờ **Tổng cộng**						

Số tiền bằng chữ: .....

Ngày ghi sổ.....

Cán bộ thu nợ **Thủ quỹ** **Kế toán** **Kế toán trưởng**

Không ghi vào
khu vực này

PHIẾU NHẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Mẫu số C6-01/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/72017
của Bộ Tài chính)
Số:..... Năm NS:…….....

Căn cứ Quyết định giao dự toán số:.....ngày...../...../..... của .....
Tổ chức ngân sách/Đơn vị có quan hệ với NS:.....
Thời hạn cấp phát đến: .....

STT	Mã loại DT	Mã TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Số tiền	
									Nợ	Có

Ngày..... tháng..... năm.....

Người nhập **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

Cơ quan tài chính:……

Mẫu C6-02/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:…….. Năm NS:……..

PHIẾU NHẬP DỰ TOÁN CẤP 0

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Quyết định giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
		Số	Ngày									Nợ	Có	
	Tổng số:													
I	**Chi đầu tư phát triển**													
II	**Chi dự trữ quốc gia**													
III	**Chi thường xuyên**													
…														

Ngày… tháng… năm…

Người nhập **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

Đơn vị dự toán:…….

Mẫu số C6-03/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017)
của Bộ Tài chính
Số: …… Năm NS:…….....

PHIẾU PHÂN BỔ DỰ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	**Chi đầu tư phát triển**															
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	**Cấp 0**														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
…	…															
II	**Chi thường xuyên**	**Cấp 0**														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)														
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCTkhông tự chủ)														
	….															
…	**…**	**…**														

…., ngày…. tháng…. năm……

CQ tài chính/KBNN ghi sổ ngày….. tháng…. năm…..

Người lập **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị** **Người nhập** **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

Không ghi vào khu vực này

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN

Lập ngày…… tháng……. năm…….

Mẫu số C6-04/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:…… Năm NS:…….

Ngày ghi sổ bút toán sai lầm: .....
Lý do điều chỉnh: .....
Phần chi tiết nội dung điều chỉnh:

STT	Mã loại dự toán	Mã TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền	
										Nợ	Có

Ngày..... tháng..... năm.....

Người nhập **Kiểm soát** **Thủ trưởng đơn vị**

Không ghi vào
Khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-05/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài Chính)
Số:.....

PHIẾU THU

Ngày..... tháng..... năm.....

Họ và tên người nộp tiền:.....
Địa chỉ: .....
Lý do nộp: .....
.....
Số tiền bằng số: .....
Số tiền bằng chữ:.....
.....
Kèm theo:..... Chứng từ gốc:.....

Nợ TK: .....
Có TK:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Người nộp tiền	Thủ quỹ	Kế toán	Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)			

Không ghi vào
khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-06/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài Chính)
Số:.....

PHIẾU CHI

Ngày..... tháng..... năm.....

Họ và tên người nhận tiền:..... CMND số: .....
Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ: .....
Lý do chi:.....
.....
Số tiền bằng số: .....
Số tiền bằng chữ:.....
.....
Kèm theo:..... Chứng từ gốc:.....

Nợ TK: .....
Có TK:.....

Người nhận tiền	Thủ quỹ	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên)				

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-07/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:……..

PHIẾU CHUYỂN TIÊU

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Theo lệnh quyết toán vốn số ..... ngày .....
Của Kho bạc Nhà nước .....
Tên tài khoản Nợ.....
Số hiệu .....
Tên tài khoản Có .....
Số hiệu .....
Số tiền ghi bằng chữ .....
.....
Trích yếu .....
.....

PHẦN KHÔI PHỤC
Nợ TK .....
Có TK .....
Số tiền ghi bằng số .....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC LẬP PHIẾU		KHO BẠC NHÀ NƯỚC NHẬN PHIẾU		
		Ngày..... tháng..... năm.....		
Kế toán	**Kế toán trưởng**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc KBNN**

Không ghi vào Khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-08/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:……

PHIẾU CHUYỂN KHOẢN

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Tên tài khoản nợ: .....
Tên tài khoản có:.....
Nội dung:.....
.....
.....
Mục lục NSNN (nếu có): Mã NDKT:..... Mã chương:..... Mã ngành KT:.....
Số tiền ghi bằng chữ: .....
.....

Nợ TK.....
Có TK .....
Số tiền ghi bằng số .....

Kế toán	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc KBNN**

Không ghi vào
Khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-09/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài Chính)
Số:.....

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Ngày ghi sổ bút toán cần điều chỉnh .....
Nội dung và nguyên nhân cần điều chỉnh: .....
.....
.....
.....
.....

Thông tin điều chỉnh theo chi tiết sau:

Mã TKKT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã nguồn NSNN	Năm NS	Số tiền	
										Nợ	Có

Bộ phận kiểm soát chi
Ngày… tháng… năm…
Kiểm soát **Phụ trách**

Bộ phận Kế toán
Ngày… tháng… năm…
Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc KBNN**

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-10/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:……..……

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TỶ GIÁ CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ

Tý giá hạch toán tháng trước.....
Tỷ giá hạch toán tháng này:.....

Tài khoản	Mã TKKT	Số dư bằng nguyên tệ cần điều chỉnh		Số dư bằng đồng VN trước khi điều chỉnh		Số điều chỉnh chênh lệch		Số dư bằng đồng VN sau khi điều chỉnh	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Các TK dư Có									
2. Các TK dư Nợ									

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán **Kế toán trưởng**

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-11/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:…….

PHIẾU NHẬP KHO

Người giao: .....
Đơn vị:.....
Lý do nhập: .....
Nhập tại kho: .....

Nhập TK: .....

STT	Tên tài sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					Tổng cộng		

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Người giao	**Thủ kho nhập**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)				

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

Mẫu số C6-12/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:.....

PHIẾU XUẤT KHO

Người nhận: .....

Đơn vị:.....

Lý do xuất:.....

Xuất tại kho: .....

Xuất TK: .....

STT	Tên tài sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
					Tổng cộng		

Số tiền bằng chữ: .....

Lập ngày..... tháng..... năm.....

Người nhận	**Thủ kho xuất**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)				

CQ chủ quản: .....
Đơn vị: .....
Số TK: .....
Mã ĐVQHNS: .....

Mẫu số C6-13/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM CẤP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Tháng…. Năm.....

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước……

Căn cứ số chi dự toán thường xuyên NS…… năm 20…….. của đơn vị là: .....

Số chi dự toán KPTX NS…… bình quân một tháng năm 20…. của đơn vị là:.....

Để đảm bảo hoạt động chuyên môn của đơn vị trong thời gian chưa có dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị KBNN..... tạm cấp dự toán cho đơn vị theo chi tiết sau:

Mã TKKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số đơn vị đề nghị	KBNN duyệt
			Tổng cộng		

Tổng số tiền đề nghị tạm cấp ghi bằng chữ: .....
.....

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

PHẦN KBNN GHI:

Đồng ý tạm cấp dự toán cho đơn vị: .....

Số tiền bằng số: .....

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Kiểm soát **Phụ trách** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC:.....

Mẫu số C6-14/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:……

BẢNG KÊ THANH TOÁN LÃI TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày lập:…./…../…..
Tài khoản: .....
Từ ngày:…../……/……. đến ngày…../……/……..
Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

STT	Ngày	Số cuối ngày	Số ngày	Tích số
			Tổng tích số	

Tổng số tiền phải trả:.....
Số tiền bằng chữ:.....

Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC: .....

Mẫu số C6-15/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THU PHÍ CHUYỂN TIỀN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tài khoản:.....
Từ ngày:…..../……/……. đến ngày…../……/……..

Nợ TK: .....
Có TK:.....

STT	Ngày	Số chứng từ	Số tiền chuyển	Số lệ phí	Ghi chú

Không ghi vào khu vực này

KHO BẠC NHÀ NƯỚC:.....

Mẫu số C6-16/NS
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài Chính)
Số:……

BẢNG KÊ TÍNH PHÍ TẠM ỨNG TỒN NGÂN

Ngày lập:…./…../……
Tài khoản: .....
Từ ngày:…../……/……. đến ngày…../……/……..
Lãi suất: .....

Nợ TK: .....
Có TK: .....

STT	Ngày	Số cuối ngày	Số ngày	Tích số
			Tổng tích số	

Tổng số tiền phải trả:.....
Số tiền bằng chữ:.....

Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

KBNN:
Mã KBNN:……..

Mẫu số C6-17/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài Chính)
Số:…… Năm NS:…….

BẢNG KÊ YCTT, THANH TOÁN HỦY, ĐẢO

Ngày lập:.....

Từ ngày:……..…… đến ngày…...……..

Nhân viên:… Trạng thái kiểm duyệt YCTT:…. Loại ngày:… Loại tiền:…
Đã hạch toán:…. Trạng thái phê duyệt YCTT:…. Sắp xếp theo: Số YCTT/Số chứng từ TT/Số tiền

STT	Số YCTT/ Số chứng từ TT	Ngày nhập giao dịch	Ngày hạch toán	Tài khoản (12 đoạn mã COA)	Nợ/Có	Phát sinh	
						N.Tệ	VND
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Hủy YCTT**						
1					Nợ		
					Có		
…					Nợ		
					Có		
II	**Hủy Thanh toán**						
1					Nợ		
					Có		
…					Nợ		
					Có		

Kế toán **Kế toán trưởng**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-01/KB
(Theo TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..……

BẢNG KÊ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU, CÔNG TRÁI
(Bằng tiền mặt)
Ngày..... tháng..... năm.....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đợt phát hành:.....
Loại:.....
Kỳ hạn..... Lãi suất .....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu phát hành	Tổng số tờ trái phiếu, công trái	Tổng mệnh giá	Số tiền chiết khấu	Số tiền nộp kho bạc
1	2	3	4	5	6
		Tổng cộng:			

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Thủ quỹ **Kế toán bàn trái phiếu**

Kế toán tổng hợp **Kế toán trưởng**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-02/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..……

BẢNG KÊ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU, CÔNG TRÁI
(Bằng chuyển khoản)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại:.....
Kỳ hạn..... Lãi suất .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:…….

STT	Số phiếu phát hành	Tổng số tờ trái phiếu, công trái	Tổng mệnh giá	Số tiền chiết khấu	Số tiền nộp Kho bạc
1	2	3	4	5	6
		Tổng cộng:			

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp** **Kế toán trưởng**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-03/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..……

BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU CHUYỂN SỔ
Ngày..... tháng..... năm.....

Từ đợt phát hành:.....
Loại trái phiếu:.....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....
Sang đợt phát hành:.....
Loại trái phiếu:.....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……..

STT	Loại mệnh giá	Sêri (Từ số... đến số)	Số tờ	Số tiền chuyển sổ		Tổng số tiền sang kỳ hạn mới
				Gốc	Lãi	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số:					

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp** **Kế toán trưởng**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-04/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN TẠI CHỖ
(Bằng tiền mặt)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại: .....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Tổng số tờ trái phiếu thanh toán	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi		Tổng số tiền thanh toán
				Tem số	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng						

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Thủ quỹ **Kế toán bàn trái phiếu** **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-05/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN TẠI CHỖ
(Bằng tiền mặt)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại: .....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Số tờ	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi			Tổng số tiền thanh toán
				Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
Lãi suất:							
Tổng số:							

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Thủ quỹ **Kế toán bàn trái phiếu** **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-06/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN TẠI CHỖ
(Bằng chuyển khoản)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại:.....
Kỳ hạn:..... Lãi suất:.....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Tổng số tờ trái phiếu thanh toán	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi		Tổng số tiền thanh toán
				Tem số	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng:					

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-07/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN TẠI CHỖ
(Bằng chuyển khoản)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại:.....
Kỳ hạn:..... Lãi suất:.....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Số tờ	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi			Tổng số tiền thanh toán
				Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
Lãi suất:							
Tổng số:							

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-08/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN CÔNG TRÁI
(Bằng tiền mặt)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại:.....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Loại mệnh giá, sê ri	Số tờ	KBNN phát hành	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8
		20.000 đồng	**8**				
		-AU…					
		……					
		50.000 đồng	**6**				
		-AV…					
		-BU…					
		…					
		100.000 đồng	**5**				
		-AW…					
		…..					
	Tổng cộng:						

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Thủ quỹ **Kế toán bàn trái phiếu** **Trưởng bàn**

Kế toán tổng hợp **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-09/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..……

BẢNG KÊ THANH TOÁN CÔNG TRÁI
(Bằng chuyển khoản)
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại:.....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Loại mệnh giá, sê ri	Số tờ	KBNN phát hành	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8
		20.000 đồng	**8**				
		-AU…					
		……					
		50.000 đồng	**6**				
		-AV…					
		-BU…					
		…					
		100.000 đồng	**5**				
		-AW…					
		…..					
	Tổng cộng						

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Trưởng bàn** **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-10/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN CÔNG TRÁI THÁNG.... NĂM....

Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành: .....
Loại: .....
Kỳ hạn:..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……..

STT	Loại mệnh giá, sê ri	Số tờ	KBNN phát hành	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	20.000 đồng	**48**					
1	-AU…						
2	……						
	50.000 đồng	**35**					
	-AV…						
	-BU…						
	…						
	100.000 đồng	**22**					
	-AW…						
	…..						
	Tổng cộng:						

Số tiền bằng chữ: .....

.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-11/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ THANH TOÁN HỘ TRÁI PHIẾU, CÔNG TRÁI

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đợt phát hành: .....
Loại trái phiếu:.....
Kỳ hạn:..... Lãi suất: .....
Kho bạc thanh toán: .....
Kho bạc phát hành: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Loại mệnh giá	Sêri (từ số... đến số……)	Số tờ	Số tiền thanh toán		
				Tổng số	Gốc	Lãi
1	3	4	5	6	7	8
		Tổng cộng:				

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Thủ quỹ **Kế toán bàn trái phiếu** **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-12/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU, CÔNG TRÁI ĐƯỢC THANH TOÁN HỘ

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đợt phát hành:.....
Loại trái phiếu: .....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....
Kho bạc thanh toán:.....
Kho bạc phát hành:.....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Loại mệnh giá	Sêri (từ số... đến số…..)	Số tờ	Số tiền thanh toán		
				Tổng số	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7
	…	…	…			
			Tổng cộng:			

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-13/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ TỔNG SỐ THANH TOÁN
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại: .....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Tổng số tờ trái phiếu thanh toán	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi		Tổng số tiền thanh toán
				Tem số	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng:					

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-14/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..…….

BẢNG KÊ TỔNG SỐ THANH TOÁN
Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại: .....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Số phiếu thanh toán	Số tờ	Thanh toán gốc	Thanh toán lãi			Tổng số tiền thanh toán
				Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
Lãi suất:							
Tổng cộng:							

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp**

Kế toán trưởng **Giám đốc**

KBNN:.....
Mã Kho bạc:.....
Bàn trái phiếu số:.....

Mẫu số C7-15/KB
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017
của Bộ Tài chính)
Số:……..……

BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU, CÔNG TRÁI QUÁ HẠN THANH TOÁN

Ngày..... tháng..... năm.....

Đợt phát hành:.....
Loại: .....
Kỳ hạn: ..... Lãi suất: .....

Nợ TK:.....
Có TK:.....

Đơn vị:……

STT	Ngày phát hành	Loại mệnh giá	Số sêri (Từ số... đến số…..)	Số tờ	Tổng mệnh giá	Ngày đến hạn thanh toán
1	2	3	4	5	6	7
	…	…	…			
	Tổng cộng:					

Số tiền bằng chữ: .....
.....

Kế toán bàn trái phiếu **Kế toán tổng hợp** **Kế toán trưởng**

BỘ TÀI CHÍNH
Cục Quản lý nợ
và Tài chính đối ngoại

Mẫu số C7-16/NS
(TT số 77/2017/TT-BTC ngày 28/8/2017
của Bộ Tài Chính)
Số:…… Năm NS:……

GIẤY ĐỀ NGHỊ GHI NHẬN NỢ NƯỚC NGOÀI

Ghi ☐ tăng/☐ giảm khoản vay của NSNN đã được nhận nợ
Ghi ☐ tăng/☐ giảm khoản vay của dự án đã được nhận nợ
Ghi ☐ tăng/☐ giảm khoản vay về cho vay lại đã được nhận nợ
Ghi ☐ tăng/☐ giảm khoản vay về cho vay lại khác đã được nhận nợ

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:.....
Có TK:.....

Căn cứ thông báo giải ngân của nhà tài trợ:
Yêu cầu Sở Giao dịch - Kho bạc nhà nước ghi tăng/giảm khoản vay đã được nhận nợ.

NỘI DUNG	**Tên nhà tài trợ**	**Mã nhà tài trợ**	**Số tiền**	
			Nguyên tệ	**VNĐ**
		Tổng cộng		

Tổng số tiền ghi bằng chữ theo nguyên tệ:.....
.....
Tổng số tiền ghi bằng chữ theo VNĐ: .....
.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày..... tháng..... năm……
Kế toán **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

CỤC QUẢN LÝ NỢ VÀ TÀI CHÍNH ĐỐI NGOẠI
Ngày..... tháng..... năm……
Thẩm kế **Trưởng phòng** **Thủ trưởng**

Không ghi vào khu vực này

CƠ QUAN THU
……

Mẫu số C1- 01/NS
(TT số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài Chính)
Số:……

LỆNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành về chế độ thu ngân sách nhà nước,

Cơ quan ra lệnh thu:..... Mã CQ thu:.....

Đề nghị NH (KBNN):..... Tỉnh, TP: .....

Trích TK số:..... của: .....

Mã số thuế:..... Địa chỉ:.....

.....

Nộp vào KBNN: ..... Tỉnh, TP: .....

Để ghi thu NSNN vào TK..... hoặc nộp vào TK tạm thu số: .....

Của cơ quan thu:..... Mã số:.....

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã NDKT (TM)	Mã chương	Kỳ thuế	Số tiền
				Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

.....

PHẦN KBNN GHI:

Mã ĐBHC: ..... Nợ TK: .....

Mã nguồn NSNN:..... Có TK: .....

NGÂN HÀNG		**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**		**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU**
Ngày…… tháng…… năm……..		Ngày…… tháng….. năm……		Ngày…… tháng….. năm…….
Kế toán	**Kế toán trưởng**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**	*(Ký tên, đóng dấu)*

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1-02/NS
(TT số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính)
Mã hiệu:.....
Số:.....

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VND ☐ USD ☐ Khác:…..

Số tham chiếu(1):.....

Người nộp thuế: ..... Mã số thuế:.....

Địa chỉ .....

..... Quận/Huyện: ..... Tỉnh, TP:.....

Người nộp thay: .....

Địa chỉ:.... .....

..... Quận/Huyện:..... Tỉnh, TP:.....

Đề nghị NH (KBNN):. ..... trích TK số:..... hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: ..... Tỉnh, TP:.....

Mở tại NH ủy nhiệm thu: .....

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐ Thanh tra Chính Phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: .....

Phần dành cho người nộp thuế ghi						**Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBNN ghi**	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/Số thông báo**	**Kỳ thuế/Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền Nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT (TM)**
			Tổng cộng				

Tổng số tiền ghi bằng chữ(2):.....

.....

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HACH TOÁN:

Mã CQ thu:..... Nợ TK: .....

Mã ĐBHC:..... Có TK: .....

NGƯỜI NỘP TIỀN			**NGÂN HÀNG (KBNN)**		
Ngày… tháng… năm…			Ngày…… tháng…… năm……		
Người nộp tiền	**Kế toán trưởng**	**Thủ trưởng đơn vị**	**Thủ quỹ**	**Kế toán**	**Kế toán trưởng**

Ghi chú:
Trường hợp nộp thuế điện tử: Người nộp tiền, Tổ chức T-VAN (nếu có), Tổng cục Thuế (nếu có), Ngân hàng/Kho bạc Nhà nước thực hiện ký số; ghi tên; ngày, giờ
(1) Trường hợp nộp thuế điện tử từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, hệ thống tự động điền số tham chiếu để phục vụ công tác quản lý.
(2) Trường hợp nộp tiền bằng VND thì ghi bằng chữ theo tổng số tiền VND; Trường hợp nộp tiền bằng ngoại tệ thì ghi bằng chữ theo tổng số nguyên tệ và loại ngoại tệ.

Không ghi vào khu vực này

NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN

Mẫu số: C1-06/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính)
Số:……..

BẢNG KÊ GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản)

Ngày: ...../ ...../ .....
Mã KBNN:.....

Nợ TK: .....
Có TK: .....

Loại tiền: .....

STT	Giấy nộp tiền				Mã cơ quan thu	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Số tiền
	Số chứng từ	Ngày CT	Ngày nộp thuế	Tên người nộp					
I. Phát sinh sau giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm trước									
Tổng cộng									**(I)**
II. Phát sinh đến giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm nay									
Tổng cộng									**(II)**
III. Tổng số tiền									**(I+II)**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: .....

.....

NGÂN HÀNG

Ngày... tháng... năm...

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng

CƠ QUAN THU… **Mẫu số: C1-10/NS**

…… **BIÊN LAI THU** Số Sêri:

…… Liên số:..... Lưu tại:..... Số biên lai:

Người nộp thuế: ..... Mã số thuế/số CMND/HC:.....

Địa chỉ:..... Huyện..... Tỉnh.....

Theo Quyết định số (1):..... ngày..... của .....

STT	Nội dung các khoản nộp NS (2)	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
Tổng cộng					

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……
……

Người nộp tiền *(Ký tên)*		Ngày..... tháng..... năm..... **Người nhận tiền** *(Ký, ghi họ tên)*

Ghi chú: - (1) Quyết định thu phạt, quyết định hành chính khác của cơ quan có thẩm quyền;

- (2) Ghi số, ngày tờ khai hải quan (nếu có).
- Đối với các khoản thu phạt, không cần ghi mã Chương, mã nội dung kinh tế, kỳ thuế.

Mẫu số: 01/BKNT
(Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính)
Mã hiệu:.....
Số:.....

BẢNG KÊ NỘP THUẾ

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VND ☐ USD ☐ Khác:……

Người nộp thuế: ..... Mã số thuế:.....

Địa chỉ: ..... Quận/Huyện: ..... Tỉnh, TP: .....

Người nộp thay: .....

Địa chỉ:.... .....

..... Quận/Huyện:..... Tỉnh, TP:.....

Đề nghị NH (KBNN):. ..... trích TK số:..... hoặc thu tiền mặt

để nộp vào: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

tại KBNN:..... Tỉnh, TP:.....

Mở tại Ngân hàng(4):.....

Nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính Phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: .....

STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Năm đăng ký	Nội dung khoản nộp NSNN	Số tiền
			Tổng số tiền	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

.....

NGƯỜI NỘP TIỀN
Ngày… tháng… năm…
Người nộp tiền **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

NGÂN HÀNG (KBNN)
Ngày…… tháng…… năm……
Người nhận tiền

Không ghi vào khu vực này

CƠ QUAN THU (KBNN).....
NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN.....

Mẫu số: 02/BK-BLT

Theo TT số 328/2017/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính

Số:.....
Ngày.....

BẢNG KÊ BIÊN LAI THU

(Dùng cho cơ quan thu, điểm giao dịch của KBNN/hoặc ngân hàng nhận ủy nhiệm thu)

Mã chương:……

TT	Biên lai thu		Họ tên người nộp tiền	Số tiền (đồng)				
	Số	Ngày		Tổng số	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...
			Tổng cộng					

Tổng số tiền ghi bằng chữ: .....

.....

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Không ghi vào khu vực này

CƠ QUAN THU (KBNN).....

Mẫu số: 03/BK-BLMG

Theo TT số 328/2017/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính

Số:.....

Ngày.....

BẢNG KÊ BIÊN LAI THU CÓ MỆNH GIÁ

(Dùng cho cơ quan thu, điểm giao dịch của KBNN)

Mã chương:……

TT	Loại mệnh giá	Số tờ	Tổng số tiền	Trong đó				
				T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...

Phụ lục II

DANH MỤC TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

(Kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
1000						**LOẠI 1 - TÀI SẢN NGẮN HẠN**
	1100					**Nhóm 11 - Tiền**
		1110				Tiền mặt
			1111			Tiền Việt Nam
				1112		Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam
				1113		Tiền mặt theo túi niêm phong bằng Đồng Việt Nam
			1121			Ngoại tệ
				1122		Tiền mặt bằng ngoại tệ
				1123		Tiền mặt theo túi niêm phong bằng ngoại tệ
		1130				Thanh toán tổng hợp tại ngân hàng
			1131			Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng
				1132		Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước
				1133		Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
				1134		Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Công thương
				1135		Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
				1136		Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
				1139		Thanh toán tổng hợp bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			1141			Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại ngân hàng
				1142		Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước
				1143		Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
				1144		Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Công thương
				1145		Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
				1146		Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
				1149		Thanh toán tổng hợp bằng ngoại tệ tại ngân hàng khác
		1150				Chuyên thu tại ngân hàng
			1151			Chuyên thu bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng
				1153		Chuyên thu bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
				1154		Chuyên thu bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Công thương
				1155		Chuyên thu bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
				1156		Chuyên thu bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
				1159		Chuyên thu bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng khác
			1161			Chuyên thu bằng ngoại tệ tại ngân hàng
				1163		Chuyên thu bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
				1164		Chuyên thu bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Công thương
				1165		Chuyên thu bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
				1166		Chuyên thu bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
				1169		Chuyên thu bằng ngoại tệ tại ngân hàng khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		1170				Tiền đang chuyển
			1171			Tiền đang chuyển bằng Đồng Việt Nam
			1172			Tiền đang chuyển bằng ngoại tệ
		1180				Kim loại quý - đá quý
			1181			Kim loại quý - đá quý trong kho
			1186			Kim loại quý - đá quý gửi ngân hàng
				1187		Kim loại quý - đá quý gửi Ngân hàng nhà nước
				1188		Kim loại quý - đá quý gửi ngân hàng thương mại
		1190				Thanh toán song phương tại ngân hàng
			1191			Thanh toán song phương bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
			1192			Thanh toán song phương bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Công thương
			1193			Thanh toán song phương bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
			1194			Thanh toán song phương bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
			1195			Thanh toán song phương bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng khác
			1199			Thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng
	1200					**Nhóm 12 - Đầu tư tài chính ngắn hạn**
		1210				Đầu tư tài chính ngắn hạn
			1211			Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam
				1212		Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước
				1213		Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				1214		Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Công thương
				1215		Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
				1216		Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
				1219		Tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng khác
			1221			Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ
				1222		Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước
				1223		Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT
				1224		Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Công thương
				1225		Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
				1226		Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
				1229		Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ tại ngân hàng khác
			1281			Cho vay ngắn hạn
			1291			Đầu tư tài chính ngắn hạn khác
	1300					**Nhóm 13 - Phải thu**
		1310				Tài sản thiếu và các khoản tổn thất chờ xử lý
			1311			Các khoản vốn bằng tiền thiếu chờ xử lý
			1319			Tài sản thiếu và các khoản tổn thất khác chờ xử lý
		1320				Phải thu về các khoản thanh toán bảo lãnh
			1321			Phải thu về các khoản thanh toán bảo lãnh

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		1330				Các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ KBNN
			1331			Phải thu lãi cho vay
			1332			Phải thu phí thanh toán bằng ngoại tệ
			1333			Phải thu về thanh toán mua ngoại tệ
			1334			Phải thu về thanh toán bán ngoại tệ
			1339			Các khoản phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ KBNN
		1340				Phải thu tiền vay đã được nhận nợ
			1341			Phải thu tiền vay về hỗ trợ NS đã được nhận nợ
			1342			Phải thu tiền vay về cho dự án đã được nhận nợ
			1343			Phải thu tiền vay về cho NSĐP vay lại đã được nhận nợ
			1344			Phải thu tiền vay về cho vay lại khác đã được nhận nợ
		1350				Phải thu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền
			1351			Phải thu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho NSNN
			1352			Phải thu Quỹ dự trữ tài chính
				1353		Phải thu Quỹ dự trữ tài chính bằng đồng Việt Nam
				1354		Phải thu Quỹ dự trữ tài chính bằng ngoại tệ
			1359			Phải thu khác
		1360				Phải thu về tạm ứng ngân quỹ nhà nước
			1361			Phải thu về tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho NSNN
			1369			Phải thu về tạm ứng ngân quỹ nhà nước khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		1380				Thanh toán gốc vay
			1381			Thanh toán gốc vay
		1390				Phải thu trung gian
			1393			Phải thu trung gian về hoàn trả thuế hộ KBNN khác
			1398			Phải thu trung gian để điều chỉnh số liệu
			1399			Phải thu trung gian khác
	1400					**Nhóm 14a - Tạm ứng chi ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi**
		1410				Tạm ứng chi ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi
			1414			Tạm ứng chi thường xuyên từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi
			1415			Tạm ứng chi thường xuyên từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi
			1416			Tạm ứng chi đầu tư XDCB từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi
			1417			Tạm ứng chi đầu tư XDCB từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi
			1419			Tạm ứng chi ngân sách khác theo hình thức ghi thu, ghi chi
		1460				Tạm ứng chi ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi trung gian
			1464			Tạm ứng chi thường xuyên từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi trung gian
			1465			Tạm ứng chi thường xuyên từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi trung gian
			1466			Tạm ứng chi đầu tư XDCB từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi trung gian
			1467			Tạm ứng chi đầu tư XDCB từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi trung gian
			1469			Tạm ứng chi ngân sách khác theo hình thức ghi thu, ghi chi trung gian

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
	1470					**Nhóm 14b - Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia**
		1471				Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia
			1473			Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia bằng dự toán
			1474			Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia bằng Lệnh chi tiền
		1481				Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia trung gian
			1483			Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia bằng dự toán trung gian
			1484			Tạm ứng kinh phí chi dự trữ quốc gia bằng Lệnh chi tiền trung gian
	1500					**Nhóm 15 - Tạm ứng và ứng trước kinh phí chi thường xuyên**
		1510				Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên
			1511			Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán
				1513		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán
				1516		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền
			1521			Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán
				1523		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán
				1526		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền
			1531			Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán
		1550				Ứng trước kinh phí chi thường xuyên
			1551			Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán
				1553		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
					1554	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán
					1557	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán
				1563		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền
			1571			Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán
				1573		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán
					1574	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán
					1577	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán
				1583		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền
			1598			Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán
	1600					**Nhóm 16 - Tạm ứng và ứng trước kinh phí chi thường xuyên trung gian**
		1610				Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên trung gian
			1611			Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán trung gian
				1613		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán trung gian
				1616		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền trung gian
			1621			Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán trung gian
				1623		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán trung gian

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				1624		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không tự chủ, không giao khoán đủ điều kiện thanh toán bằng dự toán trung gian
				1626		Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền trung gian
			1631			Tạm ứng kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán trung gian
		1650				Ứng trước kinh phí chi thường xuyên trung gian
			1651			Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán trung gian
				1653		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán trung gian
					1654	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán trung gian
					1657	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán trung gian
				1663		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền trung gian
			1671			Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán trung gian
				1673		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán trung gian
					1674	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán trung gian
					1677	Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán trung gian

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				1683		Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền trung gian
			1698			Ứng trước kinh phí chi thường xuyên không kiểm soát dự toán trung gian
	1700					**Nhóm 17 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển**
		1710				Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB
			1711			Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB
				1713		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán
				1716		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền
				1717		Tạm ứng kinh phí đầu tư XDCB không kiểm soát dự toán
			1721			Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB
				1723		Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán
					1724	Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán
					1727	Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán
				1733		Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền
				1737		Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB không kiểm soát dự toán
		1750				Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác
			1751			Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác
				1753		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán
				1756		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền
				1757		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			1761			Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác
				1763		Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán
					1764	Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán
					1767	Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán
				1773		Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền
				1798		Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán
	1800					**Nhóm 18 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển trung gian**
		1810				Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB trung gian
			1811			Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB trung gian
				1813		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán trung gian
				1816		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền trung gian
				1817		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư XDCB không kiểm soát dự toán trung gian
			1821			Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB trung gian
				1823		Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán trung gian
					1824	Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán trung gian
					1827	Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán trung gian
				1833		Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB bằng lệnh chi tiền trung gian
				1837		Ứng trước kinh phí chi đầu tư XDCB không kiểm soát dự toán trung gian
		1850				Tạm ứng, ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác trung gian

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			1851			Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác trung gian
				1853		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán trung gian
				1856		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền trung gian
				1857		Tạm ứng kinh phí chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán trung gian
			1861			Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác trung gian
				1863		Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán trung gian
					1864	Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán trung gian
					1867	Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán trung gian
				1873		Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền trung gian
				1898		Ứng trước kinh phí chi đầu tư phát triển khác không kiểm soát dự toán trung gian
	1900					**Nhóm 19 - Tạm ứng, ứng trước kinh phí khác**
		1950				Tạm ứng - ứng trước kinh phí chi viện trợ
			1951			Tạm ứng kinh phí chi viện trợ
				1952		Tạm ứng kinh phí chi viện trợ bằng dự toán
				1953		Tạm ứng kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền
			1955			Ứng trước kinh phí chi viện trợ
				1956		Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán
					1957	Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán
					1958	Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				1959		Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền
		1960				Tạm ứng - ứng trước kinh phí chi viện trợ trung gian
			1961			Tạm ứng kinh phí chi viện trợ trung gian
				1962		Tạm ứng kinh phí chi viện trợ bằng dự toán trung gian
				1963		Tạm ứng kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền trung gian
			1965			Ứng trước kinh phí chi viện trợ trung gian
				1966		Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán trung gian
					1967	Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán chưa đủ điều kiện thanh toán trung gian
					1968	Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng dự toán đủ điều kiện thanh toán trung gian
				1969		Ứng trước kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền trung gian
		1970				Ứng trước chi chuyển giao
			1971			Ứng trước chi chuyển giao bằng dự toán
			1972			Ứng trước chi chuyển giao bằng lệnh chi tiền
		1976				Ứng trước chi chuyển giao trung gian
			1977			Ứng trước chi chuyển giao bằng dự toán trung gian
			1978			Ứng trước chi chuyển giao bằng lệnh chi tiền trung gian
		1980				Tạm ứng, ứng trước kinh phí khác
			1981			Tạm ứng kinh phí khác
				1982		Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền
				1983		Tạm ứng kinh phí khác bằng lệnh chi tiền

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				1984		Tạm ứng kinh phí khác không kiểm soát dự toán
		1990				Tạm ứng, ứng trước kinh phí khác trung gian
			1991			Tạm ứng kinh phí khác trung gian
				1992		Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền trung gian
				1993		Tạm ứng kinh phí khác bằng lệnh chi tiền trung gian
				1994		Tạm ứng kinh phí khác không kiểm soát dự toán trung gian
2000						**LOẠI 2 - TÀI SẢN DÀI HẠN**
	2200					**Nhóm 22 - Đầu tư tài chính dài hạn**
		2210				Cho vay dài hạn
			2211			Cho vay trong hạn
				2212		Cho vay trong hạn từ vốn ngân sách
				2219		Cho vay trong hạn khác
			2221			Cho vay quá hạn
				2222		Cho vay quá hạn từ vốn ngân sách
				2229		Cho vay quá hạn khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			2231			Khoanh nợ cho vay
				2232		Khoanh nợ cho vay từ vốn ngân sách
				2239		Khoanh nợ cho vay khác
		2250				Tiền gửi có kỳ hạn
			2251			Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng
3000						**LOẠI 3 - PHẢI TRẢ VÀ THANH TOÁN**
	3100					**Nhóm 31 - Phải trả trong hoạt động nghiệp vụ KBNN**
		3110				Các khoản phải trả trong hoạt động nghiệp vụ KBNN
			3131			Phải trả về lãi tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ
			3141			Phải trả về lãi cho vay
				3142		Phải trả lãi vay trong hạn
				3143		Phải trả lãi vay quá hạn
				3144		Phải trả lãi vay đã thanh toán gốc
		3190				Các khoản phải trả khác trong hoạt động của KBNN
			3191			Các khoản phải trả về vốn đầu tư thu hồi chờ xử lý
			3192			Các khoản phải nộp ngân sách về vốn đầu tư
			3199			Các tài sản thừa khác chờ xử lý

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
	3300					**Nhóm 33 - Phải trả nhà cung cấp**
		3320				Phải trả về khoản cho vay đã ghi chi ngân sách trung ương
			3321			Phải trả về khoản cho vay đã ghi chi ngân sách trung ương
		3390				Phải trả trung gian
			3391			Phải trả trung gian về thu NSNN
			3392			Phải trả trung gian - AP
			3393			Phải trả trung gian thanh toán ngoại tệ
				3394		Phải trả trung gian thanh toán trái phiếu, tín phiếu bằng đồng tiền khác
				3395		Phải trả trung gian thanh toán bằng đồng tiền khác với cam kết chi
				3396		Phải trả trung gian thanh toán khác bằng ngoại tệ
			3397			Phải trả trung gian thu hồi hoàn thuế GTGT
			3398			Phải trả trung gian để điều chỉnh số liệu
			3399			Phải trả trung gian khác
	3500					**Nhóm 35 - Phải trả về thu ngân sách**
		3510				Phải trả về thu chưa qua ngân sách
			3511			Phí, lệ phí chờ nộp NS
			3512			Các khoản thuế hàng tạm nhập - tái xuất
		3520				Phải trả theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền
			3521			Phải trả theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			3522			Phải trả theo kiến nghị của Thanh tra Tài chính
			3523			Phải trả theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ
			3529			Phải trả theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền khác
		3550				Phải trả về thu của năm sau
			3551			Phải trả về thu chuyển giao các cấp ngân sách năm sau
			3559			Phải trả về thu khác của năm sau
		3580				Chờ xử lý các khoản thu chưa đủ thông tin hạch toán thu NSNN.
			3581			Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Thuế
			3582			Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan
			3589			Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan khác
		3590				Các khoản tạm thu khác
			3591			Các khoản tạm thu khác
	3600					**Nhóm 36 - Phải trả nợ vay**
		3610				Phải trả nợ vay ngắn hạn của NSNN
			3611			Vay ngắn hạn trong nước
				3613		Vay ngắn hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước
				3619		Vay ngắn hạn trong nước khác
			3621			Vay ngắn hạn nước ngoài
		3630				Phải trả nợ vay dài hạn của NSNN

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			3631			Vay dài hạn trong nước
				3633		Vay dài hạn trong nước trong hạn
				3634		Vay dài hạn tạm ứng ngân quỹ nhà nước
				3636		Vay dài hạn trong nước quá hạn
				3637		Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại
			3641			Vay dài hạn nước ngoài
				3643		Vay dài hạn nước ngoài trong hạn
				3644		Vay dài hạn nước ngoài ghi thu, ghi chi trong hạn
				3646		Vay dài hạn nước ngoài quá hạn
		3650				Phải trả về tiền vay dài hạn nước ngoài đã được nhận nợ
			3651			Phải trả về tiền vay hỗ trợ ngân sách đã được nhận nợ
			3652			Phải trả về tiền vay dài hạn nước ngoài cho dự án đã được nhận nợ
			3653			Phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho NSĐP vay lại đã được nhận nợ
			3654			Phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho vay lại khác đã được nhận nợ
	3700					**Nhóm 37 - Phải trả tiền gửi của các đơn vị**
		3710				Tiền gửi của đơn vị HCSN
			3711			Tiền gửi dự toán
			3712			Tiền gửi thu phí
			3713			Tiền gửi khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			3714			Tiền gửi thu sự nghiệp khác
		3720				Tiền gửi của xã
			3721			Tiền gửi vốn đầu tư do xã quản lý
			3722			Tiền gửi các quỹ công chuyên dùng
			3723			Tiền gửi khác
		3730				Tiền gửi của dự án
			3731			Tiền gửi chi phí ban quản lý dự án
		3740				Tiền gửi có mục đích
			3741			Tiền gửi có mục đích
		3750				Tiền gửi của các tổ chức - cá nhân
			3751			Tiền gửi của các tổ chức - cá nhân
		3760				Tiền gửi của các quĩ
			3761			Tiền gửi của các quĩ
		3770				Tiền gửi đặc biệt của các đơn vị
			3771			Tiền gửi đặc biệt của các đơn vị
		3790				Tiền gửi của đơn vị khác
			3791			Tiền gửi của đơn vị khác
	3800					**Nhóm 38 - Thanh toán giữa các Kho bạc Nhà nước**
		3810				Thanh toán vốn

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			3811			Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh
				3813		Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh năm nay
					3814	Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh năm nay bằng ngoại tệ
					3815	Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh năm nay bằng đồng VN
				3816		Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh năm trước
					3817	Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh năm trước bằng ngoại tệ
					3818	Thanh toán vốn giữa TW với tỉnh năm trước bằng đồng VN
			3821			Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện
				3823		Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm nay
					3824	Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm nay bằng ngoại tệ
					3825	Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm nay bằng đồng VN
				3826		Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm trước
					3827	Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm trước bằng ngoại tệ
					3828	Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm trước bằng đồng VN
		3830				Thanh toán tập trung
			3831			Lệnh chuyển Nợ
			3832			Lệnh chuyển Có
		3840				Sai lầm trong thanh toán tập trung
			3841			Lệnh chuyển Nợ
			3842			Lệnh chuyển Có

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		3850				Thanh toán liên kho bạc nội tỉnh năm nay
			3851			LKB đi
				3852		Lệnh chuyển Nợ
				3853		Lệnh chuyển Có
			3854			LKB đến
				3855		Lệnh chuyển Nợ
				3856		Lệnh chuyển Có
			3857			LKB đến chờ xử lý
				3858		Lệnh chuyển Nợ
				3859		Lệnh chuyển Có
		3860				Thanh toán liên kho bạc ngoại tỉnh năm nay
			3861			LKB đi
				3862		Lệnh chuyển Nợ
				3863		Lệnh chuyển Có
			3864			LKB đến
				3865		Lệnh chuyển Nợ
				3866		Lệnh chuyển Có
			3867			LKB đến chờ xử lý
				3868		Lệnh chuyển Nợ
				3869		Lệnh chuyển Có

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		3870				Thanh toán liên kho bạc nội tỉnh năm trước
			3871			LKB đi
				3872		Lệnh chuyển Nợ
				3873		Lệnh chuyển Có
			3874			LKB đến
				3875		Lệnh chuyển Nợ
				3876		Lệnh chuyển Có
			3877			LKB đến chờ xử lý
				3878		Lệnh chuyển Nợ
				3879		Lệnh chuyển Có
		3880				Thanh toán liên kho bạc ngoại tỉnh năm trước
			3881			LKB đi
				3882		Lệnh chuyển Nợ
				3883		Lệnh chuyển Có
			3884			LKB đến
				3885		Lệnh chuyển Nợ
				3886		Lệnh chuyển Có
			3887			LKB đến chờ xử lý
				3888		Lệnh chuyển Nợ
				3889		Lệnh chuyển Có

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		3890				Chuyển tiêu liên kho bạc
			3891			Chuyển tiêu liên kho bạc nội tỉnh
			3892			Chuyển tiêu liên kho bạc ngoại tỉnh
	3900					**Nhóm 39 - Phải trả và thanh toán khác**
		3910				Phải trả về thanh toán bằng tiền mặt qua ngân hàng
			3911			Phải trả về thanh toán bằng tiền mặt qua ngân hàng
		3930				Thanh toán liên ngân hàng và thanh toán song phương
			3931			Thanh toán bù trừ liên ngân hàng
			3932			Thu hộ, chi hộ liên ngân hàng
			3933			Chờ xử lý trong thanh toán LNH
			3934			Thu hộ, chi hộ trong TTSP với NHNNo và PTNT
			3935			Thu hộ, chi hộ trong TTSP với ngân hàng TMCP Công thương
			3936			Thu hộ, chi hộ trong TTSP với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
			3937			Thu hộ, chi hộ trong TTSP với ngân hàng TMCP Ngoại thương
			3938			Chờ xử lý trong TTSP với các NHTM
			3939			Thu hộ, chi hộ trong TTSP với các ngân hàng khác
		3940				Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý
			3941			Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý - Cơ quan Tài chính
			3942			Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý - Cơ quan Hải quan

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			3949			Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý - Các cơ quan khác
		3950				Thanh toán vãng lai
			3951			Thanh toán vãng lai về tín phiếu, trái phiếu năm 1988 giữa các Kho bạc
			3952			Thanh toán vãng lai với các điểm giao dịch
			3953			Thanh toán vãng lai về kinh phí công đoàn
			3954			Thanh toán vãng lai về tín phiếu, trái phiếu năm 1999 giữa các kho bạc
			3959			Thanh toán vãng lai khác
		3960				Khấu trừ phải thu, phải trả
			3961			Khấu trừ phải thu, phải trả về thuế
			3969			Khấu trừ phải thu, phải trả khác
		3970				Sai lầm trong thanh toán khác
			3971			Sai lầm Nợ trong thanh toán khác
			3972			Sai lầm Có trong thanh toán khác
		3980				Ghi thu, ghi chi ngân sách
			3981			Ghi thu, ghi chi ngân sách
		3990				Phải trả khác
			3991			Phải trả về gốc, lãi từ nguồn vốn vay
			3999			Phải trả khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
5000						**LOẠI 5 - NGUỒN VỐN, QUỸ**
	5300					**Nhóm 53 - Nợ vay chờ xử lý**
		5310				Nợ vay chờ xử lý
			5311			Nợ vay chờ xử lý
	5400					**Nhóm 54 - Chênh lệch giá, chênh lệch tỷ giá**
		5410				Chênh lệch đánh giá lại tài sản
			5411			Chênh lệch đánh giá lại tài sản
		5420				Chênh lệch tỷ giá
			5421			Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền tệ
			5422			Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản nợ bằng ngoại tệ
			5423			Chênh lệch tỷ giá thực tế
		5430				Chênh lệch do phát hành trái phiếu
			5431			Chênh lệch giá phát hành trái phiếu
			5432			Chênh lệch do hoán đổi trái phiếu
		5440				Chênh lệch giá khác
			5441			Chênh lệch giá khác

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
	5500					**Nhóm 55 - Cân đối thu chi**
		5510				Cân đối thu chi
			5511			Cân đối thu chi
	5600					**Nhóm 56 - Nguồn quỹ**
		5610				Quỹ dự trữ tài chính
			5611			Quỹ dự trữ tài chính bằng đồng Việt Nam
			5612			Quỹ dự trữ tài chính bằng ngoại tệ
			5613			Quỹ dự trữ tài chính bằng hiện vật khác
		5615				Nguồn ứng từ Quỹ dự trữ tài chính
			5616			Nguồn ứng từ Quỹ dự trữ tài chính bằng đồng Việt Nam
			5617			Nguồn ứng từ Quỹ dự trữ tài chính bằng ngoại tệ
			5618			Nguồn ứng từ Quỹ dự trữ tài chính bằng hiện vật khác
7000						**LOẠI 7 - THU NGÂN SÁCH**
	7100					**Nhóm 71 - Thu ngân sách nhà nước**
		7110				Thu ngân sách nhà nước
			7111			Thu ngân sách nhà nước

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			7112			Tạm thu ngoài cân đối ngân sách
			7113			Thu ngân sách nhà nước qua ghi thu, ghi chi
	7300					**Nhóm 73 - Thu chuyển giao ngân sách**
		7310				Thu chuyển giao các cấp ngân sách
			7311			Thu chuyển giao các cấp ngân sách
			7312			Thu chuyển giao các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi
	7400					**Nhóm 74 - Thu chuyển nguồn**
		7410				Thu chuyển nguồn giữa các năm ngân sách
			7411			Thu chuyển nguồn giữa các năm ngân sách
	7900					**Nhóm 79 - Thu khác**
		7910				Thu kết dư ngân sách
			7911			Thu kết dư ngân sách
		7920				Thu từ Quỹ dự trữ tài chính
			7921			Thu từ Quỹ dự trữ tài chính

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
8000						**LOẠI 8 - CÁC KHOẢN CHI**
	8100					**Nhóm 81 - Chi ngân sách thường xuyên**
		8110				Chi thường xuyên
			8111			Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán
				8113		Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng dự toán
				8116		Chi thường xuyên bằng kinh phí giao tự chủ, giao khoán bằng lệnh chi tiền
			8121			Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán
				8123		Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng dự toán
				8126		Chi thường xuyên bằng kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán bằng lệnh chi tiền
	8200					**Nhóm 82 - Chi ngân sách đầu tư phát triển**
		8210				Chi đầu tư xây dựng cơ bản
			8211			Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng dự toán
			8221			Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng lệnh chi tiền
		8250				Chi đầu tư phát triển khác
			8251			Chi đầu tư phát triển khác bằng dự toán
			8261			Chi đầu tư phát triển khác bằng lệnh chi tiền
	8300					**Nhóm 83 - Chi chuyển giao ngân sách**
		8310				Chi chuyển giao các cấp ngân sách

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			8311			Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng dự toán
			8312			Chi chuyển giao các cấp ngân sách bằng lệnh chi tiền
			8313			Chi chuyển giao các cấp NS không kiểm soát dự toán
			8314			Chi chuyển giao thường xuyên các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi
			8315			Chi chuyển giao đầu tư XDCB các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi
			8316			Chi chuyển giao các cấp ngân sách từ nguồn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi
	8400					**Nhóm 84- Chi chuyển nguồn**
		8410				Chi chuyển nguồn giữa các năm ngân sách
			8411			Chi chuyển nguồn giữa các năm ngân sách
	8900					**Nhóm 89 - Chi ngân sách khác**
		8920				Chi dự trữ quốc gia
			8921			Chi dự trữ quốc gia bằng dự toán
			8922			Chi dự trữ quốc gia bằng lệnh chi tiền
		8930				Chi viện trợ
			8933			Chi viện trợ bằng dự toán
			8936			Chi viện trợ bằng lệnh chi tiền
		8940				Chi trả lãi, phí đi vay

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			8941			Chi trả lãi, phí đi vay
		8950				Chi ngân sách khác
			8951			Chi ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền
			8952			Chi ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi
				8953		Chi thường xuyên từ các khoản phí để lại ghi thu, ghi chi cho đơn vị
				8954		Chi thường xuyên từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi
				8955		Chi thường xuyên từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, chi chi
				8956		Chi đầu tư XDCB từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi
				8957		Chi đầu tư XDCB từ vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi
				8958		Chi đầu tư XDCB theo hình thức ghi thu, ghi chi
				8959		Chi ngân sách khác theo hình thức ghi thu, ghi chi
			8992			Chi ngân sách khác bằng lệnh chi tiền
			8993			Chi hoàn thuế GTGT không kiểm soát dự toán
9000						**LOẠI 9 - DỰ TOÁN - TÀI KHOẢN KHÔNG ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI**
	9100					**Nhóm 91 - Nguồn dự toán**
		9110				Nguồn dự toán giao trong năm
			9111			Nguồn dự toán giao trong năm

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		9120				Nguồn dự toán tạm cấp
			9121			Nguồn dự toán tạm cấp
		9130				Nguồn dự toán ứng trước
			9131			Nguồn dự toán ứng trước
		9140				Nguồn bội chi tăng thêm
			9141			Nguồn bội chi tăng thêm
		9150				Nguồn dự toán tăng thu
			9151			Nguồn dự toán tăng thu
		9160				Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm
			9161			Nguồn bổ sung mục tiêu tăng thêm
		9170				Nguồn kết dư
			9171			Nguồn kết dư
	9200					**Nhóm 92 - Dự toán chi phân bổ cấp trên**
		9210				Dự toán NSNN được duyệt
			9213			Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0
			9214			Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 0
			9216			Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 0
			9219			Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 0
			9223			Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 0

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			9226			Dự toán chi trả nợ phân bổ cấp 0
			9229			Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0
			9233			Dự toán dự phòng phân bổ cấp 0
			9239			Dự toán khác phân bổ cấp 0
		9240				Dự toán tăng thu
			9241			Dự toán tăng thu
		9250				Dự toán phân bổ cấp 1
			9253			Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 1
			9254			Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 1
			9256			Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 1
			9259			Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1
			9263			Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 1
			9264			Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cấp 1
			9265			Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 1
			9273			Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 1 ứng trước
			9274			Dự toán chi dự trữ quốc gia phân bổ cấp 1 ứng trước
			9276			Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 1 ứng trước
			9279			Dự toán chi đầu tư phát triển khác phân bổ cấp 1 ứng trước
			9283			Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 1 ứng trước

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
	9300					**Nhóm 93 - Dự toán chi phân bổ cấp 2**
		9310				Dự toán chi thường xuyên
			9321			Dự toán chi thường xuyên giao trong năm
				9322		Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9323	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán
				9326		Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9327	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán
			9331			Dự toán chi thường xuyên ứng trước
				9332		Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9333	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán
				9336		Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9337	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán
	9400					**Nhóm 94 - Dự toán chi phân bổ cấp 3**
		9410				Dự toán chi thường xuyên
			9421			Dự toán chi thường xuyên giao trong năm
				9422		Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9423	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				9426		Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9427	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán
			9431			Dự toán chi thường xuyên ứng trước
				9432		Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9433	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán
				9436		Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9437	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán
	9500					**Nhóm 95 - Dự toán chi phân bổ cấp 4**
		9510				Dự toán chi thường xuyên
			9511			Dự toán chi thường xuyên tạm cấp
				9512		Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9513	Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán
					9514	Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng lệnh chi tiền
				9516		Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9517	Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
					9518	Dự toán chi thường xuyên tạm cấp bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng lệnh chi tiền
			9521			Dự toán chi thường xuyên giao trong năm
				9522		Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9523	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán
					9524	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng lệnh chi tiền
				9526		Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9527	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán
					9528	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng lệnh chi tiền
			9531			Dự toán chi thường xuyên ứng trước
				9532		Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán
					9533	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng dự toán
					9534	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí giao tự chủ - giao khoán bằng lệnh chi tiền
				9536		Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán
					9537	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng dự toán
					9538	Dự toán chi thường xuyên ứng trước bằng kinh phí không giao tự chủ - không giao khoán bằng lệnh chi tiền

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
		9540				Dự toán chi dự trữ quốc gia
			9541			Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm
				9542		Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng dự toán
				9543		Dự toán chi dự trữ quốc gia giao trong năm bằng lệnh chi tiền
		9550				Dự toán chi đầu tư XDCB
			9551			Dự toán chi đầu tư XDCB giao trong năm
				9552		Dự toán chi đầu tư XDCB giao trong năm bằng dự toán
				9553		Dự toán chi đầu tư XDCB giao trong năm bằng lệnh chi tiền
			9556			Dự toán chi đầu tư XDCB ứng trước
				9557		Dự toán chi đầu tư XDCB ứng trước bằng dự toán
				9558		Dự toán chi đầu tư XDCB ứng trước bằng lệnh chi tiền
		9560				Dự toán chi đầu tư phát triển khác
			9561			Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm
				9562		Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng dự toán
				9563		Dự toán chi đầu tư phát triển khác giao trong năm bằng lệnh chi tiền
			9566			Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước
				9567		Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng dự toán
				9568		Dự toán chi đầu tư phát triển khác ứng trước bằng lệnh chi tiền
		9580				Dự toán chi viện trợ

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			9581			Dự toán chi viện trợ tạm cấp
				9582		Dự toán chi viện trợ bằng dự toán tạm cấp
				9583		Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền tạm cấp
			9586			Dự toán chi viện trợ giao trong năm
				9587		Dự toán chi viện trợ bằng dự toán giao trong năm
				9588		Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền giao trong năm
			9591			Dự toán chi viện trợ ứng trước
				9592		Dự toán chi viện trợ bằng dự toán ứng trước
				9593		Dự toán chi viện trợ bằng lệnh chi tiền ứng trước
		9594				Dự toán ghi thu, ghi chi
			9595			Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên bằng dự toán
			9597			Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB bằng dự toán
	9600					**Nhóm 96 - Dự toán khác**
		9610				Điều chỉnh dự toán
			9611			Điều chỉnh dự toán
		9620				Dự toán chi chuyển giao
			9621			Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm
				9622		Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán giao trong năm

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
				9623		Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng lệnh chi tiền giao trong năm
				9624		Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm
				9625		Dự toán chi chuyển giao đầu tư XDCB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm
				9629		Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm
			9626			Dự toán chi chuyển giao ngân sách ứng trước
				9627		Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán ứng trước
				9628		Dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng lệnh chi tiền ứng trước
		9630				Dự toán đối chiếu và hủy
			9631			Dự toán bị hủy
			9632			Dự toán đối chiếu với KBNN
		9660				Dự toán khác phân bổ cấp 1
			9667			Dự toán khác phân bổ cấp 1
				9669		Dự toán khác phân bổ cấp 1 giao trong năm
		9690				Dự toán khác phân bổ cấp 4
			9697			Dự toán khác phân bổ cấp 4
				9698		Dự toán khác bằng dự toán phân bổ cấp 4 giao trong năm
				9699		Dự toán khác bằng lệnh chi tiền phân bổ cấp 4

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
	9900					**Nhóm 99 - Tài sản không trong cân đối tài khoản**
		9910				Tài sản giữ hộ
			9911			Tài sản giữ hộ
			9912			Ngoại tệ giữ hộ
			9913			Giấy tờ có giá giữ hộ
			9914			Kim loại quý - đá quý giữ hộ
		9920				Tài sản tạm giữ chờ xử lý
			9921			Tài sản tạm giữ chờ xử lý
			9922			Ngoại tệ tạm giữ chờ xử lý
			9923			Giấy tờ có giá tạm giữ chờ xử lý
			9924			Kim loại quý, đá quý tạm giữ chờ xử lý
		9930				Kim loại quý, đá quý, ngoại tệ do KBNN quản lý
			9931			Kim loại quý - đá quý trong kho
			9932			Kim loại quý - đá quý gửi ngân hàng
			9933			Ngoại tệ tiền mặt trong kho
		9950				Tiền giả
			9951			Tiền giả
			9952			Tiền nghi giả
		9960				Tiền rách nát

LOẠI TK	Nhóm TK	TK C1	TK C2	TK C3	TK C4	TÊN TÀI KHOẢN
			9961			Tiền rách nát
		9970				Tiền mẫu
			9971			Tiền mẫu
		9980				Tiền lưu niệm
			9981			Tiền lưu niệm
		9990				Quyền được vay nợ
			9991			Quyền được vay nợ

(Xem tiếp Công báo số 739 + 740)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng